

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN BIÊN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN – TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Oanh Kiều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Tảo;
2. Bà Nguyễn Thị Thân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Tôn Thị Thùy D**, sinh năm 1990; cư trú tại: Tổ P, ấp Bàu B, xã Thạnh B, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Tạ Văn D**, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ P, ấp Bàu B, xã Thạnh B, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Tôn Thị Thùy D trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh **Tạ Văn D** tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh B, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vào năm 2009. Chị và anh **D** chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì thường phát sinh mâu

thuần do anh D không lo làm ăn thường tụ tập bạn bè ăn nhậu, không quan tâm đến gia đình, say rượu về hăm dọa vợ con khiến gia đình căng thẳng, bất an. Đến năm 2020, anh D cờ bạc gây nợ nần phải bỏ trốn để chị một mình nuôi con lo cho gia đình. Chị và anh D đã không còn chung sống từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Do hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là cháu Tạ Văn N sinh ngày 04/12/2009 và cháu Tạ Văn Ng sinh ngày 15/10/2011. Hiện nay 02 cháu đang sống với chị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị làm công nhân cạo mủ cao su, có đủ khả năng kinh tế nuôi con, anh D có thói quen bài bạc, ăn nhậu say xỉn không thể chăm lo tốt cho con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/4/2021, bị đơn - anh Tạ Văn Dũng trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Anh và chị D chung sống hạnh phúc đến năm 2020. Do anh ham chơi đánh bạc dẫn đến nợ nần khá lớn nên bỏ nhà đi làm ăn xa xứ mới về. Trước khi về anh thừa nhận có thường xuyên ăn nhậu tuy nhiên từ khi quay về địa phương thì anh đã bớt ăn nhậu lại, đi làm xa anh vẫn có gửi tiền về nuôi con. Vợ chồng anh cãi vã qua lại chỉ chuyện vặt vãnh. Anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị D chung sống có 02 con chung như chị D trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tùy theo nguyện vọng các con, con theo ai người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn chị Tôn Thị Thùy D, bị đơn anh Tạ Văn D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Qua công tác kiểm sát xét thấy từ khi thụ lý việc dân sự, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, chuyển hồ sơ việc dân sự, quá trình thu thập chứng cứ, lấy lời khai, thời hạn giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016,

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tôn Thị Thùy D đối với anh Tạ Văn D.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Tạ Văn N, sinh ngày 15/10/2011 và cháu Tạ Văn N sinh ngày 04/12/2009 cho chị Tôn Thị Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục; ghi nhận chị D không yêu cầu anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Tôn Thị Thùy D chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tôn Thị Thùy D và anh Tạ Văn D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh D.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị D và anh D tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh B, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh vào năm 2009. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua xác minh thu thập chứng cứ thể hiện: Quá trình chung sống anh D thường xuyên uống rượu say về chủ mắng, có hành vi đe dọa tính mạng và sức khỏe của chị D khiến chị D và các con có tâm lý hoang mang, lo sợ, bất an. Ngoài ra, anh D không lo làm ăn để xây dựng kinh tế gia đình, không phụ giúp vợ nuôi dạy con cái và chăm sóc gia đình. Anh D cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng, anh thường xuyên ăn nhậu và có ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, bỏ nhà đi (tại các bút lục 21, 26). Có cơ sở xác định anh D đã vi phạm quyền, nghĩa vụ vợ chồng được quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ nhận định trên cho thấy hôn nhân giữa chị D và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tôn Thị Thùy D đối với anh Tạ Văn D.

[3] Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là cháu Tạ Văn N sinh ngày 04/12/2009 và cháu Tạ Văn Ng sinh ngày 15/10/2011. Hiện nay 02 cháu đang sống

với chị D. Xét yêu cầu của chị D yêu cầu được nuôi 02 con chung. Anh D đề nghị xét theo nguyện vọng của các con, con theo ai người đó nuôi, thấy rằng:

Chị D đang làm công nhân cạo mủ có thu nhập và chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Tại các biên bản lấy lời khai (bút lục 40, 41) thể hiện các cháu Tạ Văn N và Tạ Văn Ng có nguyện vọng được sống chung với chị D. Anh D cũng đồng ý xem xét theo nguyện vọng của các cháu. Do đó giao cho chị Dương trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp quy định khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị D không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tôn Thị Thùy D và anh Tạ Văn D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Tôn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 19, 21, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Tôn Thị Thùy Dương yêu cầu ly hôn anh Tạ Văn D. Chị Tôn Thị Thùy D được ly hôn với anh Tạ Văn D.

2. Về con chung: Giao chị Tôn Thị Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tạ Văn N, sinh ngày 04/12/2009 và cháu Tạ Văn Ng, sinh ngày 15/10/2011. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Tạ Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Tôn Thị Thùy D và các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở. Anh D không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tôn Thị Thùy D và anh Tạ Văn D không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tôn Thị Thùy D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0004936 ngày 25/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Phòng Ktr-NV-THA, Tòa án tỉnh TN;
- VKS cùng cấp, cấp trên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Thạnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (L).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**đã ký**

**Phạm Oanh Kiều**

